

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2023

BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KQKD QUÝ 2 NĂM 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mã chứng khoán: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 28/6/2023.

Chúng tôi xin giải trình kết quả kinh doanh Quý 2 năm 2023 biến động tăng/giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

Nội dung	ĐVT	Quý 2.2023	Quý 2.2022	Chênh lệch
BCTC hợp nhất				
- Doanh thu thuần	Đồng	611,423,483,517	929,221,008,140	-34.20%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	Đồng	96,519,842,513	239,691,342,691	-59.73%
BCTC công ty mẹ				
- Doanh thu thuần	Đồng	285,369,148,685	369,353,770,281	-22.74%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	Đồng	109,419,196,866	169,374,387,537	-35.40%

Nguyên nhân dẫn đến KQKD quý 2 năm nay giảm 59,73% (BC hợp nhất) và 35,40% (BC công ty mẹ) so với quý 2 năm trước:

+ Sản lượng, doanh thu hoạt động khai thác cảng giảm do vẫn trong thời gian nâng cấp sửa chữa mặt bãi.

+ Sản lượng hàng vận chuyển và giá cước biển giảm, giá cho thuê tàu giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, chi phí cho đội tàu tăng do tăng thêm tàu HA Rose vào tháng 11/2022 dẫn tới lợi nhuận hoạt động khai thác tàu giảm mạnh.

+ Ghi nhận lỗ kinh doanh từ công ty liên doanh Zim Hải An do công ty mới thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 3/2023.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Hà Nội, tháng 07 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.358.204.673.242	1.221.542.508.978
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	156.284.876.451	129.438.097.542
1. Tiền	111		88.284.876.451	109.438.097.542
2. Các khoản tương đương tiền	112		68.000.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.500.000.000	36.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	36.500.000.000	36.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.058.704.612.051	932.612.162.951
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	110.729.567.980	118.697.065.217
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	496.092.275.372	320.263.457.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	50.000.000.000	50.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	402.047.602.311	443.816.474.346
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164.833.612)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		20.003.039.014	18.970.109.791
1. Hàng tồn kho	141	V.8	20.003.039.014	18.970.109.791
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		86.712.145.726	104.022.138.694
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	7.211.930.317	6.615.935.965
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		79.066.640.859	97.406.202.729
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	433.574.550	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.398.681.162.069	2.441.024.148.896
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		164.443.150.000	184.443.150.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.11	13.600.000.000	33.600.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	150.843.150.000	150.843.150.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.838.611.548.354	1.919.748.606.027
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.836.411.252.663	1.917.477.667.260
<i>Nguyên giá</i>	222		2.610.394.887.986	2.589.926.753.685
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(773.983.635.323)	(672.449.086.425)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.200.295.691	2.270.938.767
<i>Nguyên giá</i>	228		6.541.325.236	6.541.325.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.341.029.545)	(4.270.386.469)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		74.292.737.709	40.456.597.022
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	74.292.737.709	40.456.597.022
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	263.629.265.005	257.930.850.271
1. Đầu tư vào công ty con	251		294.138.800.000	270.622.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.494.000.000	1.494.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(32.004.401.495)	(14.186.716.229)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		57.704.461.001	38.444.945.576
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	57.704.461.001	38.444.945.576
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.756.885.835.311	3.662.566.657.874

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.667.861.365.160	1.740.371.467.789
I. Nợ ngắn hạn	310		700.432.995.012	684.772.559.436
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	23.197.388.650	50.061.510.297
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	-	2.857.920
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	47.734.220.220	114.080.175.829
4. Phải trả người lao động	314		3.150.789.984	6.063.255.147
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	10.221.893.367	7.103.819.080
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	15.624.498.639	8.141.925.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	324.164.015.343	275.493.297.994
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	185.268.218.162	172.920.747.522
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	91.071.970.647	50.904.970.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		967.428.370.148	1.055.598.908.353
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		484.000.000.000	484.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	483.428.370.148	571.598.908.353
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.089.024.470.151	1.922.195.190.085
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	2.089.024.470.151	1.922.195.190.085
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		703.446.670.000	703.446.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		703.446.670.000	703.446.670.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.640.648.159	191.640.648.159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		554.816.070.809	352.405.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		639.121.081.183	674.702.801.117
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		425.062.801.117	674.702.801.117
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		214.058.280.066	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.756.885.835.311	3.662.566.657.874

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Đơn vị tính: VND	
					Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	285.369.148.685	369.353.770.281	580.473.922.376	656.652.642.992
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		285.369.148.685	369.353.770.281	580.473.922.376	656.652.642.992
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	136.346.268.110	177.496.889.560	289.133.275.582	304.890.853.942
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		149.022.880.575	191.856.880.721	291.340.646.794	351.761.789.050
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.526.122.152	35.842.772.954	20.600.867.673	40.498.719.184
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	26.726.212.259	4.182.041.626	39.770.475.772	7.918.400.088
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.829.470.503	8.118.443.178	21.560.765.616	11.801.879.467
8. Chi phí bán hàng	25				-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.527.739.792	7.841.800.498	12.769.669.427	15.586.900.271
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		134.295.050.676	215.675.811.551	259.401.369.268	368.755.207.875
11. Thu nhập khác	31	VI.6	815.360.731	75.679.491	2.164.035.621	109.065.784
12. Chi phí khác	32	VI.7	479.122.550	16.601.931.619	483.720.262	16.652.471.685
13. Lợi nhuận khác	40		336.238.181	(16.526.252.128)	1.680.315.359	(16.543.405.901)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		134.631.288.857	199.149.559.423	261.081.684.627	352.211.801.974
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		25.212.091.991	29.775.171.886	47.023.404.561	56.172.065.306
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		109.419.196.866	169.374.387.537	214.058.280.066	296.039.736.668

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		261.081.684.627	352.211.801.974
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		77.577.558.005	56.190.941.569
- Các khoản dự phòng	03		17.817.685.266	(4.033.304.378)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(183.697.473)	(1.203.198.943)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.966.542.582)	(36.622.800.456)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	21.560.765.616	11.801.879.467
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		358.887.453.459	378.345.319.233
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		56.992.342.659	(128.765.776.843)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.032.929.223)	(1.748.667.604)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		97.419.260.690	133.462.001.315
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(19.855.509.777)	(959.442.836)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(31.574.087.745)	(13.914.258.361)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(131.669.092.891)	(34.061.008.599)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(7.062.000.000)	(5.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		322.105.437.172	327.058.166.305
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12	(241.040.387.320)	(556.753.070.664)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		818.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	(118.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.000.000.000	61.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(23.516.100.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.717.731.452	43.314.935.498
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(219.020.574.050)	(569.938.135.166)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	71.265.448.896	367.033.186.526
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(147.088.516.461)	(77.596.763.561)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(585.200.000)	(47.445.464.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(76.408.267.565)	241.990.958.965
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		26.676.595.557	(889.009.896)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	129.438.097.542	317.414.227.149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		170.183.352	1.921.811.507
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	156.284.876.451	318.447.028.760

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Kết quả kinh doanh kỳ này giảm so với kỳ trước chủ yếu từ hoạt động khai thác tàu: doanh thu khai thác tàu giảm do giá cước vận tải đường biển và giá cho thuê tàu giảm mạnh.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Tầng 02, Tòa nhà Đình Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	51%	51%	51%

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,16%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 76 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 74 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước là tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-20
Máy móc, thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định hữu hình khác	04-10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 đến 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	545.206.475	924.915.077
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	87.739.669.976	108.513.182.465
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	68.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	<u>156.284.876.451</u>	<u>129.438.097.542</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty con	294.138.800.000	(32.004.401.495)	270.622.700.000	(14.186.716.229)
Công ty TNHH Cảng Hải An ⁽ⁱ⁾	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	101.000.000.000	-	101.000.000.000	-
Công ty TNHH Pan Hải An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	139.622.700.000	(8.488.301.495)	139.622.700.000	(14.186.716.229)
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An ^(iv)	23.516.100.000	(23.516.100.000)	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ^(v)	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866.500	-	866.500	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
Cộng	<u>295.633.666.500</u>	<u>(32.004.401.495)</u>	<u>272.117.566.500</u>	<u>(14.186.716.229)</u>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201126468, thay đổi lần thứ 6 ngày 06 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH Cảng Hải An là 30.000.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An số tiền là 30.000.000.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201655535, thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 01 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An là 200.000.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201815115 ngày 20 tháng 10 năm 2017, thay đổi lần 3 ngày 20 tháng 10 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH Pan Hải An là 273.770.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Pan Hải An số tiền 139.622.700.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202186357 lần đầu ngày 02 tháng 02 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An là 46.110.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An số tiền 23.516.100.000 VND, tương ứng 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108111428 ngày 27 tháng 12 năm 2017, thay đổi lần thứ 4 ngày 23 tháng 02 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An là 33.050.000.000 VND, tương đương 3.305.000 cổ phần. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 1.195.200 cổ phiếu, tương đương 36,16% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (không thay đổi so với đầu năm).

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.186.716.229	26.253.330.162
Trích lập dự phòng bổ sung	17.817.685.266	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(4.033.304.378)
Số cuối kỳ	32.004.401.495	22.220.025.784

Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP)		
Cho công ty con thuê văn phòng	1.271.269.981	1.320.232.361
Phí quản lý cảng phải trả cho HAP	21.081.082.634	24.667.279.609
Doanh thu khai thác cảng HAP thu hộ	110.034.683.393	133.521.464.673
Phí cấp nước ngọt phải trả công ty con	123.660.000	45.120.000
Phí quản lý khác phải trả cho HAP	492.000.000	492.000.000
Công ty con chia lợi nhuận	15.716.661.179	7.322.784.938
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT)		
Cung cấp dịch vụ cho HACT	212.105.342.813	196.713.914.110
Thuê văn phòng của công ty mẹ	589.622.332,00	-
HATS phân chia lãi BCC	-	2.096.483.602
HACT cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	40.114.480.571	9.840.782.676
HACT góp vốn theo hợp đồng BCC	-	13.000.000.000
HACT chia lợi nhuận	-	20.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH Pan Hải An (Pan Hải An)

Pan Hải An cung cấp dịch vụ cho hoạt động cảng	2.107.256.019	5.429.864.140
HATS cung cấp dịch vụ cho Pan Hải An	1.208.280.000	1.069.920.000
Thu tiền gốc cho vay từ Pan Hải An	20.000.000.000	-
Lãi cho Công ty con vay	625.400.000	1.170.916.667

Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (HAAL)

HATS cung cấp dịch vụ cho HAAL	3.157.075.273	3.578.602.026
HATS phân chia lãi BCC	2.908.484.539	7.290.110.066
HATS nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	-	6.000.000.000

Công ty TNHH liên doanh Zim Hải An

Thuê văn phòng của công ty mẹ	138.834.070	-
HATS cung cấp dịch vụ	34.349.923.883	-
Mua dầu tồn trên tàu của Zim Hải An	7.885.749.366	-
HATS chi hộ	1.935.660.872	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)

HATS cung cấp dịch vụ cho HAGS	88.082.916	88.872.441
Sử dụng dịch vụ của HAGS	2.102.718.643	2.050.459.258

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC)

HATS cung cấp dịch vụ cho HAFC	121.594.345	125.142.740
HAFC chia cổ tức		1.045.800.000
HATS phân chia lãi BCC	6.510.852.620	7.430.922.884

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	80.910.099.042	112.293.713.049
Công ty TNHH Cảng Hải An	48.250.680.342	40.329.869.234
Công ty TNHH Vận tải container Hải An	11.436.757.104	68.879.761.355
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.176.306.329	1.355.620.478
Công ty TNHH Pan Hải An	434.453.050	797.926.670
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	35.534.719	71.278.652
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	57.612.010	15.216.500
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	502.600.833	844.040.160
Công ty TNHH liên doanh Zim Hải An	19.016.154.655	-
Phải thu các khách hàng khác	29.819.468.938	6.403.352.168
CÔNG TY TNHH OOCL VIỆT NAM	1.061.167.341	1.572.480.581
CK LINE CO., LTD	663.521.158	610.944.373
HMM CO., LTD	139.902.842	397.923.180
OCEAN NETWORK EXPRESS PTE. LTD.,	978.585.549	941.777.966
Maersk A/S	563.122.296	-
Công ty TNHH Vận Tải Biển Liên Hợp	45.173.106	297.641.529

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH NAM SUNG SHIPPING VIỆT NAM TẠI HẢI PHÒNG	1.248.328.193	1.400.083.049
SEA CONSORTIUM PTE LTD.	22.817.916.867	-
Công Ty Cổ Phần Hàng Hải Macs	604.579.637	706.658.240
Khách hàng khác	1.697.171.949	475.843.250
Cộng	110.729.567.980	118.697.065.217

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	496.092.275.372	320.263.457.000
Cảng vụ hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	140.110.876	20.431.711
Cảng vụ hàng hải Hải Phòng	128.869.476	-
Công ty TNHH Quốc tế B2B	892.650.000	-
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI VIỆT NAM	945.213.500	-
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd.	490.051.737.400	304.051.069.400
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển HDT	926.952.070	-
Chi nhánh công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình hàng hải tại Thành phố Hải Phòng	-	314.427.000
Công ty TNHH An Tín Hải Phòng	-	2.356.797.000
ASL Shipyards Pte Ltd	-	1.181.056.000
CÔNG TY TNHH YUSEN LOGISTICS (VIỆT NAM)	-	200.520.661
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng	-	11.659.791.000
Công ty CP thương mại nạo vét và xây dựng Hùng Dũng	1.948.860.000	-
Sclashing Shanghai Co.,Ltd	862.323.827	-
Các nhà cung cấp khác	195.558.223	479.364.228
Cộng	496.092.275.372	320.263.457.000

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là các khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuế đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay đầu tiên phát sinh từ ngày 12 tháng 5 năm 2020. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số CC481398. Theo Cam kết trả nợ ngày 22/7/2023 thì khoản cho vay được sẽ được hoàn trả trước ngày 30/11/2023.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Là khoản cho Công ty TNHH Pan Hải An vay theo hợp đồng vay chuyển đổi số 01/HĐVV/HATS-PHA ký ngày 19/11/2019 với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 5 năm và thời gian ân hạn là 02 năm kể từ ngày liền sau ngày giải ngân lần đầu của khoản vay (ngày 19 tháng 11 năm 2019). Số dư nợ gốc có thể hoàn trả một lần hoặc nhiều lần kể từ sau khi hết thời gian ân hạn. Theo Phụ lục số 03 ngày 01/01/2022, lãi suất cho vay cố định được điều chỉnh lên 7,8%/năm bắt đầu từ ngày 01/01/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	141.653.183.564	-	152.587.412.860	-
Công ty TNHH Cảng Hải An - Lợi nhuận được chia	15.078.266.697	-	21.116.287.654	-
Phải thu về kết quả hoạt động BCC	126.497.597.344	-	131.166.562.245	-
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An	102.312.435.203	-	93.324.451.508	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	24.185.162.141	-	37.842.110.737	-
Các khoản chi hộ	77.319.523	-	304.562.961	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	260.394.418.747	-	291.229.061.486	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C - Kết quả hoạt động BCC	-	-	17.853.745.525	-
Tạm ứng	941.409.000	-	589.603.600	-
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án ⁽ⁱ⁾	124.423.676.376	-	124.423.676.376	-
Ký cược, ký quỹ	101.350.000	-	11.644.350.000	-
Chi phí tổn thất sự cố tàu Hai An City chờ bồi thường ⁽ⁱⁱ⁾	133.822.796.658	-	133.976.708.530	-
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An - Chi hộ	-	-	1.211.816.848	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.105.186.713	-	1.529.160.607	-
Cộng	402.047.602.311	-	443.816.474.346	-

(i) Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019 và cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BN 981472 ngày 29/5/2020.

(ii) Chi tiết chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Hai An City như sau:

	Số tiền
Chi phí Công ty đã chi trả	199.933.564.212
Di chuyển tàu từ điểm neo đậu về cầu cảng tại Chitagong	8.871.107.095
Khắc phục sự cố tại Chitagong	31.871.457.793
Chi phí thuyền viên, nhân sự	1.124.353.206
Chi phí nhiên liệu	16.567.173.445
Chi phí bồi thường hàng hóa hư hỏng	70.354.763.251
Chi phí dry dock, sửa chữa tàu	71.144.709.422
Bảo hiểm tạm ứng tiền bồi thường	(16.110.767.554)
Ước tính chi phí tổn thất không được bồi thường (25%/tổng chi phí)	(50.000.000.000)
Số còn lại chờ bồi thường	133.822.796.658

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	150.769.150.000	-	150.769.150.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An ⁽ⁱ⁾	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên ⁽ⁱⁱ⁾	80.769.150.000	-	80.769.150.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	74.000.000	-	74.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	74.000.000	-	74.000.000	-
Cộng	150.843.150.000	-	150.843.150.000	-

(i) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An (“Bên kiểm soát”) về tiền vốn hợp tác kinh doanh theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48-HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017, số 0101-2021/BCC-HACT ngày 11 tháng 01 năm 2021. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Số tiền góp vốn và tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Hợp đồng 48-HĐHTKD	45.000.000.000	56,25%
Hợp đồng 0101-2021/BCC-HACT	25.000.000.000	25,00%
Cộng	70.000.000.000	100%

(ii) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (“Bên kiểm soát”) về tiền vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24 tháng 01 năm 2022. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Số tiền góp vốn của Công ty trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh là 80.769.150.000 VND (tỷ lệ góp vốn là 31,5%).

7. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng hải Hưng Thịnh	65.089.486	(65.089.486)	65.089.486	(65.089.486)
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia	99.744.126	(99.744.126)	99.744.126	(99.744.126)
Cộng	164.833.612	(164.833.612)	164.833.612	(164.833.612)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.379.398.175	-	18.399.638.985	-
Công cụ, dụng cụ	623.640.839	-	570.470.806	-
Cộng	20.003.039.014	-	18.970.109.791	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	2.161.736.061	3.220.454.259
Chi phí dầu nhờn	4.757.338.631	3.226.432.206
Phí sử dụng đường bộ	39.340.000	89.049.500
Chi phí thuê văn phòng	160.000.000	80.000.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	93.515.625	-
Cộng	<u>7.211.930.317</u>	<u>6.615.935.965</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	4.755.428.934	5.529.908.591
Chi phí lên đà tàu Hai An Link, West, City, Mind	52.804.750.081	31.758.137.317
Chi phí khác	144.281.986	1.156.899.668
Cộng	<u>57.704.461.001</u>	<u>38.444.945.576</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	227.398.863.668	315.801.006.983	2.024.977.038.134	828.474.546	20.921.370.354	2.589.926.753.685
Mua trong kỳ	-	-	1.245.187.818	-	-	1.245.187.818
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	20.491.740.546	-	-	-	20.491.740.546
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.266.794.063)	-	-	(1.266.794.063)
Giảm khác	-	-	(2.000.000)	-	-	(2.000.000)
Số cuối kỳ	227.398.863.668	336.292.747.529	2.024.953.431.889	828.474.546	20.921.370.354	2.610.394.887.986
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	148.330.807.143	267.008.726.464	243.742.542.765	783.187.818	12.583.822.235	672.449.086.425
Khấu hao trong kỳ	4.874.952.420	9.296.922.822	87.047.168.416	8.756.052	1.042.193.520	102.269.993.230
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(735.444.332)	-	-	(735.444.332)
Số cuối kỳ	153.205.759.563	276.305.649.286	330.054.266.849	791.943.870	13.626.015.755	773.983.635.323
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	79.068.056.525	48.792.280.519	1.781.234.495.369	45.286.728	8.337.548.119	1.917.477.667.260
Số cuối kỳ	74.193.104.105	59.987.098.243	1.694.899.165.040	36.530.676	7.295.354.599	1.836.411.252.663

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Số cuối kỳ	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.596.310.000	1.596.310.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.674.076.469	1.596.310.000	4.270.386.469
Khấu hao trong kỳ	70.643.076	-	70.643.076
Số cuối kỳ	2.744.719.545	1.596.310.000	4.341.029.545
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.270.938.767	-	2.270.938.767
Số cuối kỳ	2.200.295.691	-	2.200.295.691
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trả trước trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	2.076.442.437	28.625.490.838	(21.736.928.364)	-	8.965.004.911
Xây dựng cơ bản dở dang	20.386.725.141	44.721.941.314	-	-	65.108.666.455
Sửa chữa lớn tài sản cố định	17.993.429.444	16.202.411.164	-	(33.976.774.265)	219.066.343
Cộng	40.456.597.022	89.549.843.316	(21.736.928.364)	(33.976.774.265)	74.292.737.709

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	948.703.609	696.406.528
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	54.227.484	50.830.320
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	892.897.625	645.576.208
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.578.500	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	22.248.685.041	49.365.103.769
BEN LINE AGENCIES SINGAPORE PTE., LTD	-	25.212.439.376
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	2.117.340.719	2.716.145.148
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật và Thương mại Hải Phòng	-	-
Triton Container International Limited-Colle	1.672.543.875	2.287.801.944
Công ty TNHH MTV tâm cảng Hải Phòng	1.508.855.370	1.541.273.054
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco	5.128.328.853	4.263.618.985

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI HẢI ÂU	-	1.344.506.040
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HÀNG HẢI NHẬN BIÊN VIỆT NAM	1.512.448.747	-
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG MIPEC	-	509.561.627
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Vinaship	767.346.910	795.630.708
Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	712.471.348	841.806.933
Công ty TNHH xếp dỡ An Hải	437.707.600	365.053.932
Bright Hill Ship Services	-	1.024.760.591
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỬA CHỮA TÀU BIÊN MINH GIANG	-	124.232.659
Công ty TNHH sửa chữa và dịch vụ tàu biển Hải Minh	230.463.812	1.643.304.440
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TỰ ĐỘNG HÓA HẢI ĐĂNG	197.211.080	613.044.472
Công ty TNHH Ngọc Minh Anh	-	1.705.247.200
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ TÀU VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI ĐẠI DƯƠNG	495.656.172	650.501.280
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng	2.479.626.900	-
MAN Energy Solutions	495.892.637	-
VLK MARINE CORPORATION	506.175.495	-
Các nhà cung cấp khác	3.986.615.523	3.726.175.380
Cộng	23.197.388.650	50.061.510.297

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nội địa	83.136.402	167.477.718	(156.450.479)	94.163.641	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.669.092.891	66.362.052.879	(131.669.092.891)	46.362.052.879	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.327.946.536	3.117.556.973	(4.167.499.809)	1.278.003.700	-
Tiền thuê đất	-	1.011.673.950	(1.445.248.500)	-	433.574.550
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	145.291.008	(145.291.008)	-	-
Cộng	114.080.175.829	70.809.052.528	(137.588.582.687)	47.734.220.220	433.574.550

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
- Cung cấp nước ngọt	5%
- Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	8-10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2015 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	134.631.288.857	199.149.559.423
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	581.310.466	704.971.509
- Các khoản điều chỉnh tăng	581.310.466	704.971.509
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	<u>135.212.599.323</u>	<u>199.854.530.932</u>
Thu nhập được miễn thuế	(15.078.266.697)	(24.981.933.421)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	<u>120.134.332.626</u>	<u>174.872.597.511</u>
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng được ưu đãi	27.091.830.213	37.955.814.733
- Hoạt động khai thác không được ưu đãi	(4.025.019.908)	21.273.261.890
- Hoạt động khai thác tàu	97.067.522.321	115.643.520.888
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	24.026.866.525	34.974.446.701
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(2.709.183.023)	(3.795.581.473)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.354.591.511)	(1.897.790.737)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	5.249.000.000	494.097.395
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>25.212.091.991</u>	<u>29.775.171.886</u>
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(4.223.344.255)	(8.811.937.540)
Thuế TNDN nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	<u>16.260.932.774</u>	<u>12.593.036.933</u>
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>37.249.680.510</u>	<u>33.556.271.279</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	5.601.273.367	6.019.279.080
Chi phí hoạt động tàu	1.020.620.000	1.084.540.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.600.000.000	-
Cộng	<u>10.221.893.367</u>	<u>7.103.819.080</u>

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>297.334.113.016</i>	<i>246.191.324.304</i>
Lãi Hợp đồng hợp tác kinh doanh	296.854.113.016	245.711.324.304
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An	167.157.426.307	124.881.934.533
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	26.482.864.916	19.972.012.296
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	19.388.342.593	16.479.858.054
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	20.877.897.749	36.123.990.865
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	62.699.920.018	48.253.528.556
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	247.661.433	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	480.000.000	480.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>26.829.902.327</i>	<i>29.301.973.690</i>
Kinh phí công đoàn	202.662.491	118.693.083
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	26.445.935.389	28.409.241.900
Cổ tức phải trả	81.845.600	667.045.600
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	99.458.847	106.993.107
Cộng	<u>324.164.015.343</u>	<u>275.493.297.994</u>

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan - Vốn góp hợp tác kinh doanh BCC</i>	<i>484.000.000.000</i>	<i>434.000.000.000</i>
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An	228.600.000.000	228.600.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	18.440.000.000	18.440.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	32.660.000.000	32.660.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	62.100.000.000	62.100.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	72.200.000.000	72.200.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	20.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	<i>50.000.000.000</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	-	50.000.000.000
Cộng	<u>484.000.000.000</u>	<u>484.000.000.000</u>

Là khoản tiền nhận vốn góp theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng BCC) số 66/HĐHTKD ngày 08/05/2019, số 68/HĐHTKD ngày 29/06/2020, số 02-2021/HKHTKD ngày 02/02/2021, số 03-2021/HĐHTKD ngày 25/11/2021 và số 02-2022/HĐHTKD ngày 15/09/2022. Theo các hợp đồng này, Công ty là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hợp đồng BCC số 66/HĐHTKD góp vốn mua tàu Hải An Mind, tỷ lệ góp vốn như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	40.000.000.000	53,33%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	13,33%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	6,67%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	13,33%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	10.000.000.000	13,33%
Cộng	75.000.000.000	100%

Hợp đồng BCC số 68/HĐHTKD góp vốn mua tàu Hải An View, tỷ lệ góp vốn như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	30.000.000.000	30,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	30.000.000.000	30,00%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	5,00%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10,00%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	15.000.000.000	15,00%
Cộng	100.000.000.000	100%

Hợp đồng BCC số 02-2021/HKHTKD góp vốn mua tàu Hải An West, tỷ lệ góp vốn như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	66.000.000.000	60,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	33.000.000.000	30,00%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	11.000.000.000	10,00%
Cộng	110.000.000.000	100%

Hợp đồng BCC số 03-2021/HĐHTKD góp vốn mua tàu Hải An City, tỷ lệ góp vốn như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	127.000.000.000	52,48%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	20.000.000.000	8,26%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	4,13%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	4,13%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	5.000.000.000	2,07%
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	20,66%
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	8,26%
Cộng	242.000.000.000	100%

Hợp đồng BCC số 02-2022/HĐHTKD góp vốn mua tàu Hải An Rose, tỷ lệ góp vốn như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	236.000.000.000	51,75%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	135.600.000.000	29,74%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	8.440.000.000	1,85%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	12.660.000.000	2,78%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	21.100.000.000	4,63%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	42.200.000.000	9,25%
Cộng	456.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	57.241.272.802	61.441.339.315
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	15.973.407.075	34.334.305.979
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱⁱ⁾	41.267.865.727	27.107.033.336
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	128.026.945.360	111.479.408.207
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	117.963.785.360	101.416.248.207
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10.063.160.000	10.063.160.000
Cộng	<u>185.268.218.162</u>	<u>172.920.747.522</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng số 01.2022/HĐCVHM/VCB-HAIAN ngày 01/4/2022, hạn mức vay là 60.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo thỏa thuận chung về tiện ích ngày 20 tháng 04 năm 2022 để tài trợ nhu cầu vốn lưu động bao gồm nhưng không giới hạn dịch vụ thương mại bao gồm chi phí thuê xe nâng và xe đầu kéo để khai thác cảng/kho, mua vật tư và thiết bị cho tàu và cảng, chi phí thuê công nhân bên ngoài với thời hạn tối đa là 04 tháng. Lãi suất cụ thể áp dụng với mỗi khoản vay sẽ được xác nhận dưới hình thức thông báo về khoản vay do Ngân hàng phát hành cho Công ty ngay sau khi giải ngân khoản vay hoặc sau mỗi lần xem xét lại lãi suất. Thời hạn duy trì hạn mức tiện ích theo thỏa thuận này là 12 tháng kể từ ngày của thỏa thuận và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần và mỗi lần gia hạn với thời hạn 12 tháng trừ khi có thông báo khác đi từ Ngân hàng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	61.441.339.315	111.479.408.207	172.920.747.522
Số tiền vay phát sinh trong năm	71.265.448.896	-	71.265.448.896
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	88.170.538.205	88.170.538.205
Số tiền vay đã trả trong năm	(75.465.515.409)	(71.623.001.052)	(147.088.516.461)
Số cuối kỳ	<u>57.241.272.802</u>	<u>128.026.945.360</u>	<u>185.268.218.162</u>

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	473.365.220.148	556.504.178.353
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính ⁽ⁱⁱ⁾	10.063.150.000	15.094.730.000
Cộng	<u>483.428.370.148</u>	<u>571.598.908.353</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.
- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani (Hải An Link), thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby (Hải An Mind); thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 2 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirov Ardelt GMBH, 5 đầu kéo và 5 somi romooc, tàu Hải An Link và tàu Hải An Mind.
 - Hợp đồng tín dụng số 012021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09 tháng 04 năm 2021 để mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 15 tháng 04 năm 2021. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 15 tháng 7 năm 2021. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu biển Hải An West theo hợp đồng thế chấp tàu biển số 01.2021/HĐTC/VCB-XDHA.
 - Hợp đồng tín dụng số 02.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 19/05/2021 để đầu tư 2 xe nâng Kalmar, số tiền 9.604.886.250 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của mỗi giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được cố định trong 2 năm đầu, từ năm thứ ba trở đi lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng 2 xe nâng Kalmar.
 - Hợp đồng tín dụng số 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25/03/2022 để đầu tư dự án tàu container Marine Bia (Hải An City), số tiền 341.950.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên trên giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được cố định trong 2 năm đầu, từ năm thứ ba trở đi lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/09/2022. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu biển Hải An City theo hợp đồng thế chấp tàu biển số 02.2022/HĐTC/VCB-XDHA.
 - Hợp đồng tín dụng số 02.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 08/11/2022 để đầu tư dự án tàu container A Kibo (Hải An Rose), số tiền 280.000.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên trên giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay cố định 1 năm đầu là 10,6%/năm, từ năm thứ 2 lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu biển Hải An Rose.
- (ii) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng số 0056-2020-HDDTD1-BV007 ngày 17/07/2020 vay để mua sắm tàu container chở hàng đã qua sử dụng (IMO: 9470717) số tiền cho vay là 47.800.000.000 VND, thời hạn cho vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 17/07/2025, tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	128.026.945.360	111.479.408.207
Trên 1 năm đến 5 năm	483.428.370.148	571.598.908.353
Cộng	611.455.315.508	683.078.316.560

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	571.598.908.353	138.800.718.509
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	340.213.500.000
Số kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(88.170.538.205)	(63.229.143.172)
CLTG do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm	-	716.706.540
Số cuối kỳ	<u>483.428.370.148</u>	<u>416.501.781.877</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	30.387.726.213	26.988.000.000	(1.220.000.000)	56.155.726.213
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	20.517.244.434	20.241.000.000	(5.842.000.000)	34.916.244.434
Cộng	<u>50.904.970.647</u>	<u>47.229.000.000</u>	<u>(7.062.000.000)</u>	<u>91.071.970.647</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. **Vốn chủ sở hữu**

20a. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	487.827.510.000	191.640.648.159	270.090.070.809	411.577.381.068	1.361.135.610.036
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	296.039.736.668	296.039.736.668
Trích quỹ trong kỳ	-	-	82.315.000.000	(111.125.000.000)	(28.810.000.000)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(48.782.751.000)	(48.782.751.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	195.130.660.000	-	-	(195.130.660.000)	-
Số dư cuối kỳ trước	682.958.170.000	191.640.648.159	352.405.070.809	352.578.706.736	1.579.582.595.704
Số dư đầu năm nay	703.446.670.000	191.640.648.159	352.405.070.809	674.702.801.117	1.922.195.190.085
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	214.058.280.066	214.058.280.066
Trích quỹ trong kỳ	-	-	202.411.000.000	(249.640.000.000)	(47.229.000.000)
Số dư cuối kỳ này	703.446.670.000	191.640.648.159	554.816.070.809	639.121.081.183	2.089.024.470.151

20b. *Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Chủ sở hữu	703.446.670.000	703.446.670.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.640.648.159	191.640.648.159
Cộng	895.087.318.159	895.087.318.159

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.344.667	70.344.667
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	70.344.667	70.344.667
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	70.344.667	70.344.667

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 0206-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu (5.000 VND/cổ phiếu)	: 351.723.330.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	: 202.411.000.000
• Trích quỹ hội đồng quản trị (3% lợi nhuận sau thuế)	: 20.241.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4% lợi nhuận sau thuế)	: 26.988.000.000

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ (USD)	1.995.944,55	2.681.020,39
Euro (EUR)	40,54	40,54

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	191.918.271.265	252.008.664.112
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	75.619.282.104	93.633.371.399
Doanh thu hoạt động khác	17.831.595.316	23.711.734.770
Cộng	285.369.148.685	369.353.770.281

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	433.458.295	15.141.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	1.275.534.216	1.943.072.165
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	-	186.605.003

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Giá vốn của hoạt động tàu	83.119.032.171	110.080.852.388
Giá vốn của hoạt động cảng	41.222.599.254	51.674.535.800
Giá vốn dịch vụ khác	12.004.636.685	15.741.501.372
Cộng	136.346.268.110	177.496.889.560

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	12.994.521	2.633.931.005
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.442.463	28.244.517
Lãi tiền cho vay	2.492.687.672	3.283.320.777
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.078.266.697	26.978.896.192
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	915.787.512	1.772.624.069
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.943.287	1.145.756.394
Cộng	18.526.122.152	35.842.772.954

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.829.470.503	8.118.443.178
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	18.670.555.432	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(2.133.171.786)	(4.033.304.378)
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	103.507.871	96.902.826
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(744.149.761)	-
Cộng	<u>26.726.212.259</u>	<u>4.182.041.626</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.898.575.264	4.446.215.448
Chi phí vật liệu quản lý	89.086.178	146.227.171
Chi phí đồ dùng văn phòng	21.080.600	77.360.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	181.724.423	224.390.856
Thuế, phí và lệ phí	17.258.557	15.106.989
Chi phí dịch vụ mua ngoài	688.959.678	812.491.072
Các chi phí khác	1.631.055.092	2.120.008.110
Cộng	<u>6.527.739.792</u>	<u>7.841.800.498</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	732.286.632	-
Tiền bồi thường	46.390.000	-
Thu nhập khác	36.684.099	75.679.491
Cộng	<u>815.360.731</u>	<u>75.679.491</u>

7. Chi phí khác

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính	196.233.417	70.000.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	80.183.308	106.469.177
Chi phí khắc phục sự cố tàu Hai An City	-	15.955.619.646
Xử lý công nợ	-	26.034.852
Chi phí khác	202.705.825	443.807.944
Cộng	<u>479.122.550</u>	<u>16.601.931.619</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.108.941.564	64.863.526.802
Chi phí nhân công	35.417.221.374	33.518.592.087
Chi phí khấu hao tài sản cố định	77.577.558.005	56.190.941.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.169.071.863	95.079.517.173
Chi phí khác	79.630.152.203	70.825.176.582
Cộng	301.902.945.009	320.477.754.213

(*) Chi tiết chi phí khấu hao tài sản cố định như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khấu hao TSCĐ do Công ty quản lý và sử dụng	102.340.636.306	59.327.765.379
Chi phí khấu hao hoạt động BCC phân chia cho các đơn vị	(39.018.718.093)	(17.609.677.447)
Chi phí khấu hao hoạt động BCC nhận phân bổ	14.255.639.792	14.472.853.637
Cộng	77.577.558.005	56.190.941.569

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong kỳ chỉ có giao dịch về trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền là 480.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 450.000.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.17a.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm nay					
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	1.008.117.692	919.369.017	60.000.000	1.987.486.709
Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	663.460.000	610.487.406	60.000.000	1.333.947.406
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	-	90.000.000	60.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	200.000.000	60.000.000	260.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT	-	90.000.000	60.000.000	150.000.000
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT	-	90.000.000	60.000.000	150.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS	-	55.000.000	30.000.000	85.000.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS	-	36.000.000	30.000.000	66.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên BKS	-	36.000.000	30.000.000	66.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	461.670.000	276.270.609	-	737.940.609
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	327.350.000	215.454.088	-	542.804.088
Cộng		<u>2.460.597.692</u>	<u>2.618.581.120</u>	<u>450.000.000</u>	<u>5.529.178.812</u>

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm trước

Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	846.369.231	1.066.955.324	60.000.000	1.973.324.555
Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	585.900.000	756.296.174	60.000.000	1.402.196.174
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	-	90.000.000	60.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	200.000.000	60.000.000	260.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT	-	90.000.000	60.000.000	150.000.000
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT	-	90.000.000	60.000.000	150.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS	-	54.000.000	30.000.000	84.000.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS	-	36.000.000	30.000.000	66.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên BKS	-	36.000.000	30.000.000	66.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	366.160.000	297.515.737	-	663.675.737
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	314.400.000	84.965.277	-	399.365.277
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	313.200.000	252.465.175	-	565.665.175
Cộng		<u>2.426.029.231</u>	<u>3.054.197.687</u>	<u>450.000.000</u>	<u>5.930.226.918</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistics (Việt Nam)	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Quỹ TM Holding	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
HATS chi trả lợi nhuận BCC	36.123.990.865	22.441.357.075
HATS trả cổ tức	-	5.567.500.000
Chi phí HATS thuê văn phòng	1.301.133.362	1.305.801.509
HATS nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	-	6.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức (MLA)		
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	-	3.000.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh		
HATS sử dụng dịch vụ	68.181.819	43.636.367
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên		
HATS góp vốn theo hợp đồng BCC	-	80.769.150.000
An Biên chi trả lợi nhuận BCC	30.704.069.206	-
An Biên chi trả lỗ tàu HAC	7.138.041.531	-
HATS nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	-	13.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C		
Sao Á D.C chi trả lỗ tàu HAC	17.853.745.525	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.13 và V.17.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 2: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 3: Hoạt động khác (gồm vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Lũy kế đến cuối kỳ năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	402.947.186.445	140.733.877.810	36.792.858.121	580.473.922.376
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	402.947.186.445	140.733.877.810	36.792.858.121	580.473.922.376
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	215.364.873.262	64.242.166.312	11.733.607.220	291.340.646.794
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(12.769.669.427)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				278.570.977.367
Doanh thu hoạt động tài chính				20.600.867.673
Chi phí tài chính				(39.770.475.772)
Thu nhập khác				2.164.035.621
Chi phí khác				(483.720.262)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(47.023.404.561)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				214.058.280.066
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	43.644.274.184	45.952.629.132	-	89.596.903.316
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	102.172.244.039	12.125.443.614	2.807.267.493	117.104.955.146
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				
Lũy kế đến cuối kỳ năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	442.266.984.930	167.460.729.776	46.924.928.286	656.652.642.992
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	442.266.984.930	167.460.729.776	46.924.928.286	656.652.642.992

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kết quả kinh doanh theo bộ phận	259.999.092.238	74.464.991.740	17.297.705.072	351.761.789.050
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(15.586.900.271)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				336.174.888.779
Doanh thu hoạt động tài chính				40.498.719.184
Chi phí tài chính				(7.918.400.088)
Thu nhập khác				109.065.784
Chi phí khác				(16.652.471.685)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(56.172.065.306)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				296.039.736.668
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	574.673.177.052	4.242.247.778	1.231.489.091	580.146.913.921
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	46.723.389.998	11.690.777.256	4.048.982.881	62.463.150.135

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.654.912.856.775	245.431.509.146	35.672.672.259	2.936.017.038.180
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				820.868.797.131
Tổng tài sản				3.756.885.835.311
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.414.211.045.986	27.142.163.194	83.687.208.191	1.525.040.417.371
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				142.820.947.789
Tổng nợ phải trả				1.667.861.365.160
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	200.060.158.880	2.636.949.604.796	44.819.131.304	2.881.828.894.980
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				780.737.762.894

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng tài sản				3.662.566.657.874
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	24.449.683.398	1.452.348.263.259	261.990.289.123	1.738.788.235.780
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				1.583.232.009
Tổng nợ phải trả				1.740.371.467.789

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính quý 2.

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tuấn